

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 259/2021/DS-PT
Ngày: 13 - 5 -2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng hợp tác
và bồi thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 669/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 368/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHHMTV) **2X/X Thành phố Hồ Chí Minh.**

Trụ sở tại địa chỉ: Số 1xx đường X, phường 1x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Minh Đ**, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Lê An N, sinh năm 1993. Nơi cư trú tại địa chỉ: Số 05 đường P, phường 0x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: **Ông Trần Đăng**

S và ông Nguyễn Hữu H, địa chỉ: Số 1x đường số 1x, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Nơi cư trú tại địa chỉ: Số 5x/2 D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Nguyễn Hữu V**, sinh năm 1978, nơi cư trú tại địa chỉ: 1xxA H, phường 5, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 06.06 Khu đô thị V, Phường 2x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ban Quản lý rừng phòng hộ Đ** (vắng mặt).

Trụ sở tại địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng K**, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Nguyễn Tiên P**, sinh năm 1978, chức vụ: Phó Giám đốc, địa chỉ thường trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. **Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHHMTV) thương mại dịch vụ sản xuất chế biến nguyên phụ liệu T** (gọi tắt Saigon PPM T).

Trụ sở tại địa chỉ: Số 1xx X, phường 1x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Văn C**, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Trần Đình P**, sinh năm 1955, nơi cư trú tại địa chỉ: Số 41/1xx N, phường x, quận 1x, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 1xx X, phường 1x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Ông **Nguyễn Hoàng V**, sinh năm 1962 (nguyên Giám đốc- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHHMTV 2x/x Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú tại địa chỉ: 9x đường N, 2xxx, R, phường 2x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 1x đường số x, khu dân cư H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông **Tổng Huy C**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú tại địa chỉ: 6xxx MILL WOOD ST.FORT WORTH.T.7xxxx, Hợp chủng quốc H.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông **Nguyễn Hữu V**, sinh năm 1978, nơi cư trú tại địa chỉ: 1xxA H, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 0x.0x Khu đô thị V, Phường 2X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

5. Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1959; nơi cư trú tại: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

6. Ông **Nguyễn Hoàng V1**, sinh năm 1960; nơi cư trú tại địa chỉ: Số 3xx đường N, phường x, quận 1x, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1956; nơi cư trú tại địa chỉ: D2x, số 2x/0x chung cư B, phường P, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Ngày 12 tháng 5 năm 2007, Công ty 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHH MTV) 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh được Ban Quản lý rừng phòng hộ B, nay là Ban Quản lý rừng Phòng hộ Đ giao khoán 258,9ha để thực hiện Dự án trồng rừng, trồng cây cao su kết hợp chăn nuôi gia súc. Sau khi nhận được đất được giao để thực hiện Dự án, Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hợp tác, huy động vốn với nhiều đối tác khác nhau, trong đó có hợp tác và huy động vốn với cá nhân bà Nguyễn Thị T. Để xác nhận quá trình, kết quả hợp tác và huy động vốn trên, ngày 02 tháng 8 năm 2012, Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Bên A) do ông Nguyễn Hoàng V, chức vụ Giám đốc làm đại diện thoả thuận với bà Nguyễn Thị T (gọi tắt là Bên B) và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng hợp tác với tựa đề “Hợp đồng liên doanh trồng rừng và cây công nghiệp” số 140/HĐ-CT với thời hạn tối thiểu 28 năm kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 12 năm 2040 có các nội dung điều khoản cơ bản như sau:

*“Bên A và Bên B liên doanh giao khoán trồng cây cao su và cây công nghiệp khác với diện tích là 104ha (tọa lạc tại tiểu khu 111, 118 xã P, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước) với thời gian là 28 năm, nếu sau này được gia hạn thì hai bên vẫn tiếp tục thực hiện liên doanh này. **Đến thời điểm ngày 02 tháng 8 năm 2012 chi phí của Bên B đã đầu tư cho Dự án này tổng cộng là 10 tỷ 500 triệu đồng chẵn.** Nếu Bên A tự ý thu hồi đất đã giao cho Bên B thì Bên A có trách nhiệm đền bù gấp đôi (2 lần) tất cả chi phí của Bên B đã đầu tư cho Dự án này. Về phương thức ăn chia là sau khi trồng cây cao su và cây công nghiệp khác hoàn tất được 01 năm thì Bên B giao lại cho Bên A 10% diện tích đất đã trồng cây thực tế theo từng loại cây trên tổng số diện tích đã trồng, 90% diện tích còn lại Bên B được hưởng toàn bộ. Hai bên cam kết thi hành nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký kết, không bên nào đơn phương huỷ bỏ.”*

Tiếp theo ngày 08 tháng 8 năm 2012, Bên A và Bên B cùng ký tiếp văn bản “Biên bản bàn giao hiện trạng Dự án Bình Phước” cụ thể là 74,3ha cây cao su (trong đó 37ha cây cao su trồng năm 2006-2007, 22ha cây cao su trồng năm 2008, 7,3ha cây cao su trồng năm 2009, 08 ha cây cao su trồng năm 2010) và 27ha cây điều.

Sau đó, ngày 11 tháng 01 năm 2014, Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Đình T, chức vụ Giám đốc làm đại diện (Công ty mẹ) ký tiếp Hợp đồng với tựa đề “Hợp đồng giao khoán” số 74/HĐKT 2014 với

Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (TNHHMTV) thương mại dịch vụ sản xuất chế biến nguyên phụ liệu T (gọi tắt Công ty Saigon PPM T) do ông Huỳnh Thanh T, chức vụ Giám đốc làm đại diện (Công ty con) đối với tổng diện tích đất được giao khoán là 258,95 ha, trong đó có diện tích 104 ha đã hợp tác và giao cho bà Nguyễn Thị T.

Để có đất giao cho Công ty Saigon PPM T nên Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành khởi kiện, yêu cầu cụ thể như sau:

1. Tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng hợp tác số 140/HĐ-CT ngày 02 tháng 8 năm 2012 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh với bà Nguyễn Thị T do việc ký kết không đúng thẩm quyền của Giám đốc Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh ông Nguyễn Hoàng V nên việc ký kết trên chỉ mang tính cá nhân giữa ông Nguyễn Hoàng V và bà Nguyễn Thị T là vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội theo Điều 128 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

2. Yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T trả lại cho Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ diện tích đất 105,21289ha tọa lạc tại tiểu khu 111, 118 xã P, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước mà bà T đã nhận và đang quản lý; yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 377 cây điều trồng năm 2007, 7937 cây cao su trồng năm 2007, 4098 cây cao su trồng năm 2008, 927 cây cao su trồng năm 2010, 1790 cây cao su trồng năm 2012, 09 cây mận, 02 cây xà cừ, 03 cây mít, 02 cây sake, 01 cây xoài, 01 cây chôm chôm trồng năm 2010 mà bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng và thu hoạch hoa lợi; và yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 1.230.000.000 đồng do năm 2016 bà Nguyễn Thị T tự ý chặt 4100 cây cao su trồng năm 2010.

Ngoài ra, nguyên đơn Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh không có yêu cầu gì khác và cũng không yêu cầu xác định lỗi, bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu, thu hoạch hoa lợi và các khoản chi phí khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Hợp đồng hợp tác số 140/HĐ-CT ngày 02 tháng 8 năm 2012 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh với bà Nguyễn Thị T không vô hiệu, việc ký kết là tự nguyện, đúng thẩm quyền và đúng pháp luật, bị đơn đã đầu tư, đã và đang thực hiện đúng hợp đồng ký kết nên bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng nên bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Ban quản lý rừng Phòng hộ Đ trình bày:

Hợp đồng giao khoán số 01/HĐKT – CT ngày 12 tháng 5 năm 2007 giữa Ban quản lý rừng phòng hộ B, nay là Ban quản lý rừng Phòng hộ Đ và Công ty 2X/X TP. Hồ Chí Minh, nay là Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh đến nay vẫn còn trong thời hạn và thực hiện theo hợp đồng đã ký kết, phần đất 258,9 ha đã giao khoán cho Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí

Minh (trong đó có diện tích 105, 21289 ha hợp tác trên) hiện nay chưa bị thu hồi và đề nghị giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự số 05/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 37, 38, 39, 92, 235, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688, các điều 504, 505, 116, 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 70 của Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng hợp tác số 140/HĐ-CT ngày 02 tháng 8 năm 2012 có tựa đề “Hợp đồng liên doanh trồng rừng và cây công nghiệp” được ký kết giữa Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị T;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T trả lại cho Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ diện tích đất 105,21289 ha tọa lạc tại tiểu khu 111, 118 xã P, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 377 cây điều trồng năm 2007, 7937 cây cao su trồng năm 2007, 4098 cây cao su trồng năm 2008, 927 cây cao su trồng năm 2010, 1790 cây cao su trồng năm 2012, 09 cây mận, 02 cây xà cừ, 03 cây mít, 02 cây sake, 01 cây xoài, 01 cây chôm chôm trồng năm 2010;

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại tài sản với tổng số tiền là 1.230.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, định giá tài sản, xem xét, thẩm định tại chỗ và uỷ thác tư pháp, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 07/10/2020, Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh do ông Huỳnh Minh Đ làm đại diện theo pháp luật có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Lê An N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Trần Lê An N trình bày: Tòa sơ thẩm nhận định hợp đồng có hiệu lực không có căn cứ. Biên bản bàn giao giữa Công ty và bà Nguyễn Thị T là biên bản không, hợp đồng ký kết không đúng thẩm quyền. Biên bản giao nhận hiện trạng

không có căn cứ, hiện trạng ở Bình Phước nhưng biên bản lại được lập tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các biên bản có sự mâu thuẫn về thời gian nhưng Tòa sơ thẩm chưa làm rõ. Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp đều mâu thuẫn các tài liệu có trong hồ sơ. Tòa sơ thẩm không đánh giá bản chất hợp đồng là gì? Hợp đồng liên doanh hay chia tài sản. Tòa sơ thẩm đã đánh giá sai bản chất của hợp đồng. Đây là hợp đồng liên doanh nhưng các bên không tuân thủ luật đầu tư. Hợp đồng Công ty 2X/X với bà Nguyễn Thị T xâm phạm điều cấm của pháp luật chuyển nhượng đất rừng. Do vi phạm điều cấm nên hợp đồng trên vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Chúng tôi đã giao nộp chứng cứ mới là kết quả thanh tra cho thấy quyết định Công ty 2X/X đã làm sai, có dấu hiệu vụ lợi. Ông Nguyễn Hoàng V ký hợp đồng đã cho bà Nguyễn Thị T được quyền khai thác quá thời hạn được nhà nước giao cho Công ty 2X/X. Hợp đồng ký kết sai thẩm quyền, hợp đồng không có giá trị pháp lý, mục đích hưởng lợi cá nhân gây ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà nước.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T có ông Nguyễn Hữu V đại diện theo ủy quyền trình bày: Không đồng ý với ý kiến của luật sư phía nguyên đơn và giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại tòa sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Ngày 12/5/2007 Công ty 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh được Ban quản lý rừng phòng hộ B nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ Đ giao khoán 258,9 ha để thực hiện dự án trồng rừng, trồng cây cao su kết hợp chăn nuôi gia súc.

[2]. Ngày 02/8/2012 công ty TNHH MTV 2X/X do ông Nguyễn Hoàng V - chức vụ Giám đốc làm đại diện với bà Nguyễn Thị T ký Hợp đồng liên doanh trồng rừng và cây công nghiệp số 140/HĐ-CT với thời hạn tối thiểu 28 năm kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2040.

[3]. Ngày 11/01/2014 Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Đình T chức vụ Giám đốc ký Hợp đồng giao khoán số 74/HĐKT2014 với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ sản xuất chế biến nguyên phụ liệu T do ông Huỳnh Thanh T chức vụ Giám đốc làm đại diện đối với tổng diện tích đất được giao là 258,9 ha trong đó có diện tích 104 ha đã hợp tác và giao cho bà Nguyễn Thị T.

Nay nguyên đơn Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng 140/HĐ-CT ngày 02/8/2012 và buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại toàn bộ diện tích 105,21289 ha mà bà Nguyễn Thị T đã nhận và đang quản lý.

[4]. Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng hợp tác với tựa đề “Hợp đồng liên doanh trồng rừng và cây công nghiệp” số 140/HĐ-CT ngày 02/8/2012 được lập thành văn bản. Nguyên đơn Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Hoàng V đều thừa nhận chữ ký và con dấu được ký và đóng vào Hợp đồng số 140/HĐ-CT ngày 02/8/2012 và “Biên bản bàn giao hiện trạng Dự án Bình Phước” ngày 08/8/2012 là của chính ông Giám đốc Nguyễn Hoàng V và của công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Doanh nghiệp năm 2005 thì “Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình”.

[5]. Về nội dung: Tại khoản III của Hợp đồng hợp tác số 140/HĐ-CT ngày 02/8/2012 đã xác nhận: “Đến thời điểm ngày 02/8/2012 chi phí của bên B (bà Nguyễn Thị T) đã đầu tư cho dự án này tổng cộng là 10 tỷ 500 triệu đồng chẵn” và bên B bà Nguyễn Thị T cũng đã được nhận và quản lý 105,21289 ha tọa lạc tại tiểu khu 111, 118 xã P, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Như vậy, Hợp đồng hợp tác số 140/HĐ-CT có tựa đề “Hợp đồng liên doanh trồng rừng và cây công nghiệp” ngày 02/8/2012 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Hoàng V chức vụ Giám đốc với bà Nguyễn Thị T là có thật, đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội, bà Nguyễn Thị T đã thật sự đầu tư số tiền 10,5 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ theo đúng cam kết trong hợp đồng do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng Hợp tác 140/HĐ-CT vô hiệu là có căn cứ đúng pháp luật. Do yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng vô hiệu không được chấp nhận nên các yêu cầu khác cũng không được chấp nhận.

Tại phiên tòa luật sư của nguyên đơn có cung cấp nội dung Thông báo kết luận thanh tra của thanh tra Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề ngày 22/01/2021 đối với Công ty 2X/X và cho rằng ông Nguyễn Hoàng V đã vi phạm trong công tác. Xét đây là văn bản thể hiện việc thanh tra, giám sát và xem xét trách nhiệm của các cá nhân Công ty 2X/X không phải là Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung hợp đồng đã ký kết.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 38, 39, 92, 235, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688, các Điều 504, 505, 116, 117, 118, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 70 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng hợp tác số 140/HĐ-CT ngày 02/8/2012 có tựa đề “Hợp đồng liên doanh trồng rừng và cây công nghiệp” được ký kết giữa Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T trả lại cho Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh toàn bộ diện tích đất 105,21289 ha tọa lạc tại tiểu khu 111, 118 xã P, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 377 cây điều trồng năm 2007, 7937 cây cao su trồng năm 2007, 4098 cây cao su trồng năm 2008, 927 cây cao su trồng năm 2010, 1790 cây cao su trồng năm 2012, 09 cây mận, 02 cây xà cừ, 03 cây mít, 02 cây sake, 01 cây xoài, 01 cây chôm chôm trồng năm 2010.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV 2X/X Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại tài sản với tổng số tiền là 1.230.000.000 đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 015360 ngày 10/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bình Phước (1);
- VKSND tỉnh Bình Phước (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Phước (1);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 25b (PMT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Hữu Ba

